



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (LẦN 1)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS (FIRST EXPANSION)

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thử nghiệm và An toàn

Laboratory: Department of Testing and Safety

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Trung tâm Dịch vụ Phân tích thí nghiệm và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
Thành phố Hồ Chí Minh (CASE-SMQ)

Organization: Center of analytical services, experimentation and Standards, Metrology, Quality
of Ho Chi Minh City (CASE-SMQ)

Số hiệu/ Code: VILAS 081

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Điện - Điện tử

Field: Electrical – Electronic

Người quản lý/
Laboratory manager: Nguyễn Kim Trọng

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /11/2025 đến ngày 04/06/2026

Địa chỉ/ Address: 263 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh
236 Dien Bien Phu street, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh city

Địa điểm/Location: 263 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh
236 Dien Bien Phu street, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh city

Điện thoại/ Tel: (028) 39 307 919

Email: tt_tdc.skhn@tphcm.com.vn

Website: http://smeq.com.vn/

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (LẦN 1)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS (FIRST EXPANSION)

VILAS 081

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Fiel of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ Range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Máy giặt gia dụng có năng suất danh định (2 ~ 15) kg <i>Clothes washing machines for household use with rated capacity (2 ~ 15) kg</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W / (0 ~ 10 000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 8526:2013 và/ <i>and</i> TCVN 6575:2014 (IEC 60456:2010)
2.	Bình đun nước nóng có dự trữ có điện áp danh định không quá 250 V, dung tích nhỏ hơn 50 L <i>Storage water heaters with rated voltage not more than 250 V, volume less than 50 L</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W / (0 ~ 10 000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 7898:2018 và/ <i>and</i> Quyết định 2325/QĐBCT ngày 01/08/2019 <i>(Decision 2325/QĐBCT dated 01/08/2019)</i> và/ <i>and</i> TCVN 11326:2016 (IEC 60379:1987)
3.	Bếp điện từ <i>Induction hobs</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W / (0 ~ 10 000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 13372:2021 và/ <i>and</i> TCVN 12218-2:2018 (IEC 60350-2:2017)
4.	Bếp hồng ngoại <i>Infrared hobs</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W / (0 ~ 10 000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 13373:2021 và/ <i>and</i> TCVN 12218-2:2018 (IEC 60350-2:2017)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (LẦN 1)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS (FIRST EXPANSION)

VILAS 081

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ Range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
5.	Máy thu hình <i>Television sets</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W/(0 ~ 1000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 9536:2021 và/ and TCVN 13476-1:2021 (IEC 62087-1:2015) TCVN 13476-2:2021 (IEC 62087-122015) TCVN 13476-3:2021 (IEC 62087-3:2015) TCVN 10152:2013 (IEC 62301:2011)
6.	Màn hình máy tính <i>Computer monitors</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W / (0 ~ 3 000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 9508:2012 và/ and TCVN 10152:2013 (IEC 62301:2011)
7.	Máy in <i>Printers</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W / (0 ~ 3 000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 9509:2012 và/ and TCVN 10152:2013 (IEC 62301:2011)
8.	Máy photocopy <i>Copiers</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W / (0 ~ 3 000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 9510:2012 và/ and TCVN 10152:2013 (IEC 62301:2011)
9.	Máy tính xách tay <i>Notebook computers</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W/(0 ~ 3 000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 11848:2021 và/ and TCVN 11847:2017 (IEC 62623:2012)
10.	Máy tính để bàn <i>Desktop computers</i>	Xác định hiệu suất năng lượng <i>Determination of energy efficiency</i>	0,01 W / (0 ~ 3 000) W 0,01 V / (100 ~ 240) V 50; 60 Hz	TCVN 13371:2021 và/ and TCVN 11847:2017 (IEC 62623:2012)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (LẦN 1)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS (FIRST EXPANSION)

VILAS 081

Ghi chú/ Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam / *Vietnam National Standard* ;
- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế / *International Electrotechnical Commission*.

Trường hợp Trung tâm Dịch vụ Phân tích thí nghiệm và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh (CASE-SMQ) cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Trung tâm Dịch vụ Phân tích thí nghiệm và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh (CASE-SMQ) phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Center of analytical services, experimentation and Standards, Metrology, Quality of Ho Chi Minh City (CASE-SMQ) that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

